

# TÂM VÓC PHAN BỘI CHÂU TRONG LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

PHONG LÊ\*

Thế hệ chúng tôi, ở tuổi học trò, là con em xứ Nghệ, tuy có được nghe, được kể về Phan Bội Châu, nhưng không nhiều. Chỉ khi trưởng thành mới được học, được biết đến Phan với niềm tự hào và lòng thành kính. Và biết qua sách vở, giáo trình của các bậc thầy, trong đó hai người có vai trò quan trọng nhất đối với tôi, đó là Đặng Thai Mai và Hoài Thanh - một người từ cổ điển xuôi về hiện đại; một người từ hiện đại ngược trở về cổ điển. Tôi học và đọc Đặng Thai Mai trước khi ông về Viện, trong các bài giảng ở Đại học và trong *Văn thơ Phan Bội Châu* (1958). Và đọc Hoài Thanh, sau khi ông rời Viện, trong *Phan Bội Châu (cuộc đời và thơ văn)* (1978). Vậy là trong khoảng cách 20 năm. Qua Đặng Thai Mai tôi được biết một thời đất nước sôi sục: “Chỉ vì đọc Phan Bội Châu mà hàng nghìn thanh niên đã cắt cụt bím tóc, vất hết sách vở văn chương nghề cũ từ cùng cái mộng công danh nhục nhã gắn trên đó, lìa bỏ làng mạc, nhà cửa, vợ con, rời băng ngàn lợi সুိ, bất chấp mọi nỗi đói thiếu, nguy hiểm, khổ sở để qua Xiêm, qua Tàu, qua Nhật mà học hỏi và trù tính việc đánh Tây. Đó là một thành công vĩ đại”<sup>(1)</sup>. Với Hoài Thanh, tôi biết tác động của Phan Bội Châu đối với một thế hệ thanh niên trí thức như ông là thế nào: “Từ tuổi lên chín, lên mười tôi đã thuộc nhiều câu thơ của Phan Bội Châu (...) Có thể nói thơ Phan Bội Châu đã góp sức đưa đến phong trào yêu nước rộng lớn, nhất là của học sinh, sinh viên trong dịp hai cụ Phan về nước (1925) (...) Riêng đối với tôi, tấm gương Phan Bội Châu đã giúp tôi rất nhiều. Giúp tôi những khi tôi vờn mình lên làm nhiệm vụ và những khi tinh thần tôi sa sút thì lại giúp tôi giữ lấy mình để không sa sút nhiều hơn nữa...”<sup>(2)</sup>.

Tôi hiểu không phải chỉ là người đồng hương xứ Nghệ mà cả hai, Đặng Thai

---

\* GS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Mai và Hoài Thanh đều dành nhiều công sức, tâm huyết cho Phan Bội Châu; đều viết về Phan như là để trả một món nợ lớn nhất trong đời nghề nghiệp của mình. Với cả hai, một người là học giả uyên thâm, một người là nhà phê bình tinh tế, Phan Bội Châu là một tác gia lớn, một nhân cách lớn, có một sự nghiệp lớn trong một bước ngoặt của lịch sử, và làm nên lịch sử một bước ngoặt trong văn chương dân tộc. Là “một trong những con người Việt Nam đẹp nhất”<sup>(3)</sup> theo Hoài Thanh. Theo tôi nhớ, trong thế kỷ XX, chỉ có một người nhận được sự tôn vinh là “con người Việt Nam đẹp nhất” - để sánh với bông sen Tháp Mười - đó là Hồ Chí Minh.

Từ Đặng Thai Mai và Hoài Thanh tôi nuôi ước nguyện viết một bài về Phan Bội Châu, nhưng đã để lỡ nhiều dịp; và để viết bài này, tôi còn tiếp tục chịu ơn các anh Chương Thâu, Nguyễn Đình Chú (người có nhận xét: Phan Bội Châu là “một trong số những nhà văn lớn nhất của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX”<sup>(4)</sup>) - cả hai đều là chuyên gia hàng đầu về Phan Bội Châu, và với bài viết này tôi mong góp một vài nhận thức ít ỏi để bổ sung, hoặc là để khẳng định lại tầm vóc, kích thước Phan Bội Châu trong lịch sử và lịch sử văn chương sau khoảng lùi một thế kỷ.

## I

Với Phan Bội Châu, trước hết và trọn vẹn đó là một nhà Nho yêu nước lớn nhất của Việt Nam xứ Nghệ trong hai thập niên đầu thế kỷ XX. Nhà yêu nước với đường đời và sự nghiệp nằm trọn vẹn trong bối cảnh nước mất, từ lúc sinh ra (1867) đất nước đã chìm trong khói súng của chủ nghĩa thực dân; và khi qua đời (1940), đất nước vẫn còn nằm nằm trong tối tăm nô lệ.

Hàng số bất biến trong lịch sử tinh thần của người Việt Nam là lòng yêu nước. Một lòng yêu nước như là thứ của cải quý giá nhất không hư hao, không suy suyển trong nhiều nghìn năm, kể từ thời dựng nước, được lưu giữ qua các chứng tích lịch sử, và qua một lịch sử thơ văn từ truyền thuyết (Thánh Gióng), qua ca dao (*Nhiều điều phải lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng*) rồi đến với văn học viết - kể từ bài thơ bốn câu *Nam quốc sơn hà...* trong cuộc chiến chống Tống lần thứ hai (1075-1077) đến *Tuyên ngôn độc lập* (1945) khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sự thực lịch sử đó mong đừng ai quên, nhất là trong bối cảnh hòa bình - hội nhập như hôm nay, bởi nếu không có một lòng yêu nước bền vững hơn mức bình thường thì sao mà lấy lại được nước sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc; và sao mà giữ được nước trong một nghìn năm tự chủ - với hiểm họa mất nước luôn luôn rình rập, đến từ những Đại đế Trung Hoa: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... Từ giữa thế kỷ XIX, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại của sự thống trị của phương Tây đối với phương Đông; của các dân tộc tư sản đối với dân tộc nông dân; của văn minh đối với lạc hậu... lại một lần nữa dân tộc phải đứng trước một hiểm họa càng lớn hơn. Suốt nửa sau thế kỷ XIX với liên tục những cuộc chiến chống Tây dương, hào khí và hy sinh của dân tộc là có thừa, nhưng đều thất bại. Bởi đây là sự thất bại trước một kẻ thù mới, hoàn toàn khác trước; một thất bại gần như là hiển nhiên, khó tránh, trong đối sánh giữa hai

phương thức sản xuất, hai trình độ văn minh - một bên là chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, và một bên là giai tầng phong kiến còn trong tình trạng manh mún, tù đọng và hủ lậu kéo quá dài trong lịch sử.

Lòng yêu nước của dân tộc, trong tình cảnh trên, lẽ tự nhiên phải có thêm những phẩm chất mới; nói cách khác, phải là một chủ nghĩa yêu nước mới - cứng cỏi và nồng nàn hơn, tinh táo và thống thiết hơn, bởi sự thực mất nước là quá rõ ràng, và bởi con đường cứu nước là không thể trở về với những bài học cũ, những kinh nghiệm cũ - như cha ông, trong suốt hàng ngàn năm lịch sử. Phải tìm một con đường khác, với sự hợp lực của nhiều thế hệ, mà *những người mở đường mới* phải xuất hiện *không thể sớm hơn, và càng không thể muộn hơn* ngay trong thập niên mở đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đang trong tâm thế đắc ý với sự thiết lập xong nền thống trị của chúng trên toàn lãnh thổ Đông Dương. Trong đội ngũ những người mở đường - có một người xung trận với nhiệt huyết nồng nàn nhất, và với vũ khí văn chương và văn chương vũ khí - đó là Phan Bội Châu trong tư cách một người Việt Nam yêu nước xứ Nghệ.

X

X X

Với Phan, cũng như các chí sĩ khác thuộc thế hệ ông, *nước* không bao giờ là một khái niệm trừu tượng. Đó không chỉ là *một lọ vàng* - “ông cha ta để cho ta lọ vàng”, mà con cháu phải ra sức gìn giữ. (Nửa thế kỷ sau ta sẽ gặp lại ý tưởng này ở Hồ Chí Minh - là người cũng từng nói đến lòng yêu nước luôn luôn phải được giữ gìn trong lọ quý). Đó là một *cơ thể sống* - gồm cả phần hồn và phần xác; và nếu phần xác đang bị đọa đày cho xơ xác, tàn tạ, thậm chí tiêu hủy thì phần hồn vẫn còn đó; và trách nhiệm của những ai có lòng yêu nước là phải gọi cho được *hồn về*.

*Xin hồn hãy tỉnh đừng mê!*

...

*Hồn cố quốc vẫn vợ, vợ vẫn*

*Khôn tìm đường dò nhẩn hỏi han*

*Bâng khuâng đỉnh núi non ngàn*

*Khói tuôn khí uất sóng cuộn trận đau.*

*Hồn nước* - đó quả là một cách hình dung mới để biểu đạt tình yêu nước của thế hệ Phan Bội Châu. Và đường như cách biểu đạt này là chưa hề xuất hiện trong lịch sử chống chọi với phong kiến phương Bắc nhiều nghìn năm.

Vậy là sự xuất hiện một kẻ thù mới đã buộc dân tộc phải tìm đến một chủ nghĩa yêu nước mới, cụ thể hơn, thống thiết hơn, dục dã hơn; và Phan là người sớm tiếp cận để đem lại cho nó một cách biểu hiện mới, vừa bằng một lý trí tinh táo, vừa với một cảm xúc nồng nàn.

Cần một kết hợp cả lý trí và tình cảm, bởi thiếu một thì chưa đủ để biểu đạt cái mới mà Phan và thế hệ Phan đã đem lại cho đời sống tinh thần dân tộc Việt Nam

đầu thế kỷ XX. Lý trí tỉnh táo (và sáng suốt) - đó là việc thừa nhận sự thất bại hiển nhiên của tất cả các phong trào chống Pháp trước Phan, cho đến người kết thúc phong trào Cần Vương là Phan Đình Phùng (1897). Phải có một nhận thức khác và một kế sách khác cho công cuộc giải phóng - đó là hướng về lợi ích của Dân, tìm đến sức mạnh của Dân (thay cho vua quan và kẻ Sĩ); là yêu cầu Dân chủ, theo mô hình cách mạng tư sản phương Tây thế kỷ XVIII, mà nhờ vào sự tiếp xúc với Tân thư, mới vỡ ra được:

*Nghìn, muôn, ức, triệu người chung góp  
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà  
Người dân ta, của dân ta  
Dân là dân nước, nước là nước dân.*

Ở trên có nói đến *nước* với *phần hồn* của nó; phải tích cực gọi hồn về. Bây giờ là *nước* với *dân*; và *dân* là một tập hợp rộng rãi, gồm đủ các loại người: gái trai, già trẻ, miền ngược miền xuôi, phú hào - thứ dân, và thật là mới mẻ, gồm cả người công giáo (*Nào ai có vị gì Tây! Mà coi người đạo ra ngay người thù*), và đương nhiên có sự hiện diện của người trí thức (*Đứng đầu lên có bạn nhà Nho*).

Vậy là, với Phan Bội Châu, số phận người *dân* đã được đưa lên hàng đầu, chứ không còn là số phận của một vương triều, hoặc một ông vua. Sự thay đổi nhận thức này phải đến thế hệ Phan mới có; còn từ Phan Đình Phùng, Nguyễn Đình Chiểu trở về trước thì chưa có. Nguyễn Đình Chiểu, người từng viết với nỗi căm hận ngút trời: *Bữa thấy bông bong trắng lớp, muốn tới ăn gan! Ngày xem ống khói đen sì, toan ra cắn cổ*; cũng là người đã viết: *Tác đất, ngọn rau, ơn Chúa; tài bồi cho nước nhà ta! Bát cơm, manh áo, sự đời; mắc mở chi ông cha nó*.

Vậy là khi đã gắn được dân với nước; đã nhìn đất nước qua tình cảnh của dân, thì sự xót xa, niềm đau khổ, mối hận thù sẽ càng tăng gấp bội. Đó là lý do để ta hiểu nồng độ thống thiết của lòng yêu nước, trong bối cảnh mới, đã làm nên kích thước mới - như được thể hiện tập trung trong thơ văn Phan; làm nên sự sôi sục trong bầu không khí dân tộc ở phần đầu thế kỷ XX.

Trở lại với khởi đầu là dân, và đích đến cũng là dân, với người phát ngôn là Phan và các chiến hữu của ông - đó sẽ là nguồn mạch xuyên suốt thế kỷ XX, đưa tới đỉnh cao Cách mạng tháng Tám, xác lập nền Dân chủ cộng hòa ở thời điểm 1945; rồi vẫn còn được tiếp tục khẳng định lại, với khẩu hiệu "Lấy Dân làm gốc" ở thời điểm khởi động công cuộc Đổi mới, năm 1986. Và cho đến bây giờ, trong kỷ nguyên hội nhập và Toàn cầu hóa - nếu nhìn vào tình cảnh người nông dân vẫn là thành phần cơ bản trong khái niệm dân, và người công nhân trong các khu công nghiệp, từng là thành phần lãnh đạo của Nhà nước Công Nông, thì mới thấy khát vọng dân chủ vẫn còn là một cái đích xa, chưa dễ một sớm một chiều mà thực hiện được như ao ước của Phan, và của biết bao thế hệ con cháu của Phan, cho đến bây giờ.

Sự thống thiết của tình yêu nước còn cần được soi sáng bởi một vài phương

diện khác, do hành trình hoạt động của Phan, là gồm 20 năm xa xứ và 15 năm bị giam lỏng ở chính quê nhà. Là người yêu nước mà phải xa nước; là người gắn bó với đất quê mà phải xa quê, Phan như một cái cây phải đứng ra khỏi đất trồng; và tình cảnh đó lâu lâu lại thấy xuất hiện ở Phan trong những câu thơ bùi ngùi: “*Đã khách không nhà trong bốn biển/ Là người tù tội giữa năm châu*”... Trong bầu khí quyền xứ Nghệ, Phan là người từng nuôi chí cứu nước từ rất sớm, kể từ khi là cậu bé chơi trò *bình Tây*, và ở tuổi 17 viết *Bình Tây thu Bắc*; nhưng việc xác định con đường và cách thức cứu nước thì dường như chỉ có thể hình thành từ sau 1900, khi Phan vẫn phải trải qua để rồi kết thúc con đường văn chương cử nghiệp với cái bằng Giải nguyên; và cơ hội cứu nước chỉ có thể mở ra ở thời điểm 1905, sau chiến thắng của Nhật Bản đối với nước Nga - Sa hoàng. Ý niệm đồng văn, đồng chủng đã đến với Phan cùng với chủ trương bạo động và câu viện đã thúc đẩy Phan tìm đường Đông du (1905) sau khi hình thành ý tưởng Duy tân (1904). Đã đặt lên vai Phan sứ mệnh người mở đường, thật là hăm hở, trong *Xuất dương lưu biệt*:

*Non sông đã chết, sống thêm nhục  
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài  
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió  
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

(Bản dịch của Tôn Quang Phiệt)

Và với hành trình tìm đường kéo dài đến 20 năm, Phan thuộc số ít người phải vượt biên giới từ rất sớm, để truyền lửa về nước, trong những khoảng cách không gian khá lớn, lúc ở Nhật, lúc ở Tàu, lúc ở Xiêm. Nơi đâu Phan cũng khắc khoải, xót xa về tình cảnh của *dân* và *nước* mà ông không được cùng sẻ chia, cùng chịu đựng. Do vậy mà thư gửi về cho đồng bào từ hải ngoại của Phan là phải viết bằng máu, là *huyết thư*. Sách viết về tình cảnh mất nước của người (*Lưu cầu*) cũng là viết bằng nước mắt và máu - là *Lưu cầu huyết lệ tân thư*. Lời chữ, âm giọng trong văn thơ Phan bao giờ cũng như dầu sôi, lửa cháy:

*Anh em ơi xin tuốt gươm ra  
Của nhà ta trả chủ ta.  
(...)  
Vạch trời xanh mà tuốt gươm ra  
Cũng xương, cũng thịt, cũng da  
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long  
(...)  
Hai mươi triệu dân cùng của hết  
Bốn mươi năm nước mất quyền không.  
Thương ôi công nghiệp tổ tông  
Nước tanh máu đỏ non chồng thịt cao*

*Non nước ấy biết bao máu mủ,  
Nữ nào đem nuôi lũ sài lang...*

Một kẻ thù mới với những dã tâm và trang bị khác trước; một tình huống bi thảm sau ngót nửa thế kỷ liên tục nổi dậy đều thất bại; một cách nhìn gần gũi nước với dân, và dân với nước; và tình cảnh một người hết xa nước lại xa quê trong ngót 40 năm... đó là những nguyên tố làm nên một kích thước mới, một nồng độ mới của lòng yêu nước mà Phan Bội Châu là đại diện tiêu biểu nhất trong lịch sử và lịch sử văn chương Việt Nam trong mở đầu thế kỷ XX.

## II

Khi kẻ thù là đến từ nửa vòng trái đất, và mang theo một gương mặt lạ - là Tây dương “mắt xanh mũi lõ”, “đít cuồi lừ”, “môm huyết chó”, với vũ khí là thuốc súng và chiến thuyền thì người chí sĩ yêu nước phải có một cách ứng phó khác với các bậc tiền bối, là không thể ngồi một nơi, ở yên một chỗ mà kêu gọi, hoặc bài binh bố trận. Một hình ảnh mới xuất hiện trong văn thơ cách mạng đầu thế kỷ XX là hình ảnh người chí sĩ trong những cuộc đi gần và xa, những cuộc đi không ngừng nghỉ, ở trong nước hoặc ra nước ngoài. Cùng với Phan, cả một thế hệ chí sĩ, ai cũng đều có các cuộc đi như thế, dẫu phương tiện đi, ngoài tàu biển và xe lửa thì chủ yếu vẫn là đi bộ. Trong một hoàn cảnh giao thông và liên lạc rất khó khăn, và với sự kiểm soát nghiêm ngặt của chính quyền thực dân, những cuộc đi như vậy thật là cần thiết, thay vì các cuộc khởi nghĩa nổi lên từng lúc từng nơi, trong tình thế cô lập, suốt nửa sau thế kỷ XIX, cuộc trước gọi cuộc sau, nhưng rồi cuộc nào cũng nhanh chóng bị dập tắt.

Thuộc số người “xuất dương lưu biệt” từ rất sớm, Phan rồi sẽ có một hành trình 20 năm lưu lạc ở xứ người, trong đó có 5 năm (1913-1917) bị cầm tù. 20 năm với bao cuộc tiếp xúc với các nhân sĩ, chí sĩ ở nước ngoài như Khuyển Dưỡng Nghị ở Nhật, Lương Khải Siêu ở Nhật và Trung Hoa. Để tìm phương sách cứu nước. Để cầu viện. Để tìm mua vũ khí. Để tìm trường huấn luyện thanh niên... Phương tiện giao thiệp vẫn là chữ Hán, - để bút đàm; để viết và đăng trên các báo chí ở nước ngoài, như *Vân Nam tạp chí*, *Đông Á tân văn*, *Binh sự tạp chí*..., rồi tìm cách gửi về nước. Vậy là lòng yêu nước và cách thức cứu nước của Phan, và các đồng chí của Phan đã có thể vượt biên giới quốc gia mà có một không gian rộng hơn, gồm một phần Đông Á và Đông Nam Á, trong đó Trung Hoa lúc này đã trở thành miếng mồi to cho chủ nghĩa đế quốc xâu xé, và Nhật Bản nhờ vào ý thức canh tân khá sớm của một giai cấp tư sản hùng mạnh, và sức mạnh của khoa học và công nghệ để trở thành một cường quốc mới mà Phan gửi bao hy vọng.

Những gì được Phan viết ra trong hoàn cảnh phải *đi nhiều, tiếp xúc nhiều* sẽ có một biên độ rộng hơn cho suy ngẫm, và một nồng độ cao hơn cho cảm xúc - điều đó dĩ nhiên đã đem lại một chất lượng mới, đưa văn chương Phan vào một quỹ đạo khác với tất cả văn thơ yêu nước nửa sau thế kỷ XIX - để từ cái nhìn *quốc gia* mà chuyển sang cái nhìn *khu vực*, trước khi đến với cái nhìn *toàn cầu*, trong hành trình của Nguyễn Ái Quốc, 15 năm về sau.

Một lịch sử Việt Nam mất nước, như được trình bày với biết bao là đau xót trong *Việt Nam vong quốc sử* - đó là đối tượng, là đề tài được Phan quan tâm đầu tiên, trong không gian xa xứ, bởi một con người rất thuộc sử dân tộc, và rất thấm thía cái bi kịch mất nước - nó là thảm trạng xem ra không phải chỉ là riêng của Việt Nam mà là của nhiều khu vực thế giới da vàng. Cuốn sách do vậy có một đối tượng đọc rộng hơn, và tác dụng tuyên truyền lớn hơn, vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Hai mươi năm sau, một người con xứ Nghệ khác cũng sẽ viết một cáo trạng, nhân danh những người dân thuộc địa trên toàn thế giới, trong đó có người An Nam - cho người đọc phương Tây - đó là *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Sau *Việt Nam vong quốc sử*, Phan Bội Châu lần lượt viết tiếp *Việt Nam quốc sử khảo*, *Việt Nam nghĩa liệt sử*, và các truyện *Tái sinh sinh*, *Chân tướng quân*... Khu vực viết về các anh hùng, hào kiệt trong lịch sử, và những anh hùng đương đại là những người đồng thời với Phan luôn luôn là một nhu cầu thường trực trong Phan, bởi nhà chí sĩ luôn luôn khắc khoải một câu hỏi lớn về sự vô lý của một dân tộc có lắm hào kiệt như thế mà sao lại để mất nước? Luôn luôn Phan có nhu cầu tìm đến sự tập hợp, sự hội tụ mọi ngọn nguồn sức mạnh của dân tộc, gồm những người đương thời với Phan cho đến Hoàng Hoa Thám mà Phan cho là còn vĩ đại hơn cả Hoa Thịnh Đốn, Nã Phá Luân, và những người sau Phan như Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm, Phạm Hồng Thái..., trong số đó gương mặt Phan đặt nhiều kỳ vọng nhất là Nguyễn Ái Quốc, như trong bức thư đề ngày 13-3-1925 Phan gửi cho Lý Thụy - “người cháu yêu của tôi”.

Một bức thư như một chứng tích vô giá, vừa xác nhận sự tiếp tục các thế hệ cách mạng của đất nước, vừa biểu hiện mối thân tình trong khí hậu quê hương và gia đình của những người con xứ Nghệ một thời nước mắt: “Thế mới biết cháu học vấn nhiều hơn, không phải như 20 năm về trước. Nhớ lại, khi trước tôi đến nhà cháu, uống rượu ngâm thơ, thì anh em cháu mới hơn 10 tuổi cả. Lúc bấy giờ tôi cũng chẳng ngờ rằng rồi ra cháu giỏi đến thế này. Bây giờ tôi bì với cháu thì xấu hổ nhiều lắm. Tiếp được của cháu hai phong thư, sự thương sự mừng đều có. Thương là thương cho mình tôi, mà mừng là mừng cho cả nước. Bây giờ gặp cháu thì thấy sau này có người kế khởi rồi. Đường tối mà thành ra sáng! Chỉ có điều tôi đã già rồi, sợ không được thấy nữa, như thế làm sao mà không thương lòng được? Một đời người tôi đau khổ, thui thủi một mình, nay được cháu giúp vào, có nhiều người theo, lấy lại nước nhà ắt là không khó, như thế thì sao mà không mừng được”.

Đi nhiều, tiếp xúc nhiều - không chỉ ở nhiều địa bàn trong nước mà còn là ở Nhật Bản, Trung Hoa, Xiêm... đó là một cuộc đi lâu nhất và dài nhất so với tất cả các chí sĩ cùng thời với Phan. Phải có những cuộc đi và sự rộng đường tiếp xúc như thế mới có thể đưa Phan lên vị trí một gương mặt hàng đầu của dân tộc trong hai thập niên đầu thế kỷ XX. Và *ái quốc*, *ái chủng*, *ái quần* - đó chính là mục tiêu hàng đầu cho mọi cuộc đi trong tìm kiếm của Phan (*Nếu cả nước đồng lòng như thế/ Việc gì coi cũng dễ như không/ Không việc gì việc không xong/ Nếu không xong quyết là không có Trời*). Miễn là có tấm lòng yêu nước

và ý chí cứu nước, kể cả những người có khác chính kiến với Phan, đều được Phan trân trọng; và ở đây ta được chứng kiến một tình bạn thật quý giá giữa Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh - là người không đồng tình với phương sách bạo động và câu viện của Phan. Trong 26 bài văn tế mà Phan viết cho các đồng chí, thì bài điệu Phan Chu Trinh là một bài cảm động nhất.

Qua thế giới mở rộng của những cuộc tiếp xúc, Phan là người đánh giá rất cao vai trò của phụ nữ, và rất coi trọng việc vận động thanh niên. Để thấy một đầu óc không “bảo thủ” ở người con xứ Nghệ này. Phan đã từng *Khóc thanh niên*, bằng những lời thật nồng nhiệt: “Ôi! Đáng kính thay thanh niên! Đáng sợ thay thanh niên! Nếu ai nói rằng: thanh niên lay trời, trời phải rung; thanh niên xoay đất, đất phải chuyển cũng không phải là quá đáng vậy!” (*Đông Pháp thời báo*; số 11-7-1927). Nói là khóc, bởi Phan cũng đã từng đau xót mà nhận ra tình trạng thờ ơ và hư hỏng ở một bộ phận thanh niên, khiến cho những người có tâm huyết không thể “không tức tím lá gan, buồn khan nước mắt”. Cũng năm 1927, Phan có *Bài ca chúc Tết thanh niên*, để đáp lại việc các sinh viên trường Quốc học và trường Dòng ở Huế tổ chức lễ mừng sinh nhật lần thứ 60 của Phan vào ngày 29-1-1927.

Một người con xứ Nghệ đã rất sớm mở được tầm nhìn ra cả nước, và tiếp tục mở rộng tầm nhìn ra toàn khu vực Đông Á trong một thế giới đang đắm chìm dưới gót sắt của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Một con người xứ Nghệ luôn khát khao kiếm tìm, tiếp xúc với bạn bè, đồng chí, vì mục đích cứu nước mà gạt bỏ mọi sai biệt về chính kiến. Trước khi trở thành “Ông già Bến Ngự”, ở tuổi 58, hiếm ai có một cuộc sống và hành trình sôi nổi như Phan; và khi là “Ông già Bến Ngự”, Phan vẫn tiếp tục một sự nghiệp viết trong tình cảnh bị giam lỏng và nhận được sự tôn kính và kỳ vọng của các thế hệ đến sau; dẫu về mình, bao giờ Phan cũng nhận rõ một sự đuối sức, không theo kịp những biến chuyển của thời cuộc. Câu cuối cùng trong bài thơ cuối cùng “tử giả bạn bè” của Phan, để lại cho đời, đó là:

*Chúc phượng hậu tử tiến mau!*

### III

Đi nhiều, tiếp xúc nhiều.

Và viết nhiều.

Viết trong tình cảnh 20 năm xa xứ, trong đó có 5 năm bị giam cầm. Và viết trong 15 năm bị giam lỏng, cho đến lúc qua đời.

35 năm viết nếu tính từ bài thơ *Xuất dương lưu biệt* (1905); 43 năm viết nếu tính từ bài phú *Bái thạch vi huynh* (1897); những bài được công chúng truyền tụng. Không kể trước đó là những bài mang tính khẩu khí của một thần đồng, hoặc một sinh đồ hay chữ.

Cả một đời viết, với trên dưới 40 bút danh, gắn với mục tiêu cứu nước và một hành trình xa xứ và xa quê - ngót 40 năm. Và khi đã là “Ông già Bến Ngự”, trong thân phận bị giam lỏng; cho dù có tự nghĩ mình là kẻ “sống thừa”, “sống

ron”, Phan vẫn tiếp tục viết, trong sự dồn tụ bao là năng lượng, cho đến thiên tự truyện *Phan Bội Châu niên biểu* và bài *Từ giã bạn bè lần cuối cùng*:

*Những ước anh em đều bốn bể  
Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian  
Sóng xác thừa mà chết cũng xương tan  
Câu tâm sự gửi chim ngàn cá biển.*

Không ai là người đồng thời với Phan, và trong những bạn bè, đồng chí của Phan, gồm cả những tên tuổi lừng lẫy như Nguyễn Thượng Hiền, Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng... có một hành trình viết dài như thế, và dồi dào như thế trong đời hoạt động của mình. Chỉ một người thuộc thế hệ sau, vượt được Phan, với 30 năm xa xứ và 50 năm viết - đó là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Ở tư cách là nhà Nho chí sĩ, và hơn thế, ở tư cách người yêu nước số 1, Phan là người tìm được sự nhất trí tuyệt vời giữa mục đích sống và viết. Và bởi mục đích sống là cứu nước, nên tất cả những gì cần trang bị, cần sử dụng đều được Phan huy động triệt để, trong đó đương nhiên *viết* phải là phương thức cơ bản, thậm chí là bao trùm, bởi Phan là nhà Nho, là trí thức, là kẻ Sĩ. Khi chưa có thể hành động bằng vũ khí thì vũ khí chỉ có thể huy động là tiếng nói. Một vũ khí của tiếng nói lúc nào cũng có thể hiện diện; và đến được với mọi tầng lớp người đọc đang cần một sự đồng tâm và thức tỉnh.

Hiếm có, hoặc chưa có một nhà Nho nào ở đầu thế kỷ có được khả năng huy động tổng lực phương tiện văn chương - trên tất cả các loại và thể - gần như không sót bất cứ dạng nào để nhập cuộc, gồm đủ thơ, phú, văn tế, câu đối, văn xuôi - chính luận, thư từ, tạp ký, truyện lịch sử, liệt truyện, truyện danh nhân, tự truyện... Và ở bất cứ loại nào, Phan cũng đều để lại những tác phẩm xuất sắc, in rõ dấu ấn riêng của bản thân, và mang theo khí hậu của thời cuộc. Với bất cứ thể văn nào, ở vào hoàn cảnh nào, ngọn bút của Phan cũng sục sôi một bầu nhiệt huyết, mà đến thẳng với con tim khối óc người đọc, để dục dã và hối thúc họ dẫn thân và hành động.

Qua hai tấm gương Tăng Bạt Hổ và Lê Khiết - sau khi được đọc *Việt Nam vong quốc sử*, ta thấy tác dụng của văn chương Phan là lớn đến thế nào.

Và không chỉ người Việt Nam, ngay cả nhiều bè bạn Trung Hoa, Nhật Bản cũng nhận được sự cảm hóa đó, khi họ được đọc Phan trên các báo chí ở Trung Hoa...

Mười và mười lăm năm sau, trên địa bàn châu Âu, một người Việt Nam xứ Nghệ khác cũng sẽ gây được chấn động lớn trên báo chí phương Tây bằng những bài báo, có tên gọi và sức mạnh của một bản án. Đó là *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Một sự nghiệp viết không ngừng nghỉ và gắn với hành động, bởi con người Phan là con người hành động. Ngay cả khi Phan bị cầm tù hoặc giam lỏng thì sự nghiệp viết đó vẫn có giá trị kêu gọi hoặc khơi ngòi cho hành động.

Viết cho công chúng là đồng bào trên cả ba miền đang trong tình cảnh “chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao”, như trong *Hải ngoại huyết thư* (1905).

Viết về các danh nhân và anh hùng trong lịch sử, để thức tỉnh người sống, như trong *Việt Nam quốc sử khảo* (1908): “Trời đâu có lấy cái ách nô lệ quang lên ta, đất đâu có lấy cái cùm nô lệ giam hãm ta? Thế thì có sao ta lại nô lệ? (...)

Ôi! do yếu mà mất, mất mà diệt, diệt mà tuyệt! Thế tất nhiên là như vậy. Lý tất nhiên cũng như vậy. Nhưng nay của chưa hết, sức chưa phải đã tàn, còn có thể phấn chấn một phen để mưu ngày tái sinh”.

Lùi sâu hơn vào lịch sử là *Trùng Quang tâm sử*, với *Lời đầu*: “Đọc lại câu chuyện Bình Ngô phục quốc ngày xưa, ta thấy tổ tiên chúng ta sinh vào thời ấy, không một ai không anh hùng. Thế thì nòi giống anh hùng, hậu thân anh hùng chính là chúng ta. Chúng ta quên làm sao đặng!”.

Viết về những người đương thời, về các tấm gương người thật việc thật - những người vừa mới hy sinh hoặc đang còn sống và còn gieo hy vọng cho dân tộc - như *Việt Nam nghĩa lịch sử, Tái sinh sinh, Chân tướng quân, Phạm Hồng Thái...*

Viết cho bè bạn, đồng chí, các chiến hữu thân thiết của mình trong câu đối và văn tế.

Viết về mình, và cho mình trong hai lần Tự thuật: *Ngục trung thư* và *Phan Bội Châu niên biểu*.

Viết để chia sẻ, động viên, kêu gọi trong Thư gửi các giới đồng bào.

Viết văn hư cấu trong bối cảnh văn xuôi hiện đại và nhu cầu của đời sống báo chí như *Duyên trời, Dao và dây, Anh Khờ, Kênh và Càng, Lịch sử con Vá...*

Và đương nhiên, thể văn chủ đạo đối với Phan vẫn là thơ - cả Hán và Nôm; và truyện, gồm các liệt truyện, tự truyện, và cả truyện ngắn, tiểu thuyết...

Tóm lại, một sự nghiệp viết trên sự mở ra rất rộng các biên độ của đề tài và chủ đề, của chất liệu và thể loại, bởi sự cần thiết của lịch sử và nhu cầu thời cuộc mà Phan là người có đôi dào các tiềm năng đáp ứng. Và ở vào hoàn cảnh nào Phan cũng có thể vượt mọi câu thúc để có thể tìm được tự do cho việc viết. 15 năm cuối đời bị giam lỏng ở Huế, ngòi bút của Phan vẫn có thể tung hoành trên nhiều loại; riêng về thơ (Nôm và Quốc ngữ), Phan đã viết ngót 700 bài. Cái tài sản 700 bài này, xuất hiện cùng thời với Thơ mới, rất đáng được lưu tâm để thấy được một toàn cảnh thơ 1930-1945 trong tiến trình hiện đại hóa. Hãy đừng quên những gắng gỏi của một thế hệ tiên nhân không cam chịu lùi lại hoặc bị gạt ra ngoài con đường đi của lịch sử.

Viết và viết - một sự nghiệp viết không ngừng nghỉ, để có một phẩm chất mới trong tương quan với thời cuộc; để đón trước, và để theo kịp nhu cầu thời cuộc, như ở Phan trong ngót 40 năm; một sự nghiệp viết đứng ở hàng đầu về khối lượng và chất lượng so với những người cùng thời và các bậc tiền bối của Phan<sup>(5)</sup>. Một sự nghiệp viết như vậy cần phải giải thích như thế nào, khi được biết tác giả của nó là người từng tâm niệm và tán đồng hai câu thơ của Viên Mai:

*Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch*

*Lập thân tối hạ thị văn chương.*

Văn chương chỉ có thể nằm ở bậc thấp nhất cho sự lập thân ư? Câu hỏi sẽ được trả lời, nếu ta hiểu (và sự thật thì ai mà không hiểu) Phan có bao giờ nghĩ đến việc lập thân cho riêng mình, khi cả cuộc đời Phan, tất cả mọi khả năng, tiềm năng của Phan là giành cho dân và nước, là chỉ một mục tiêu cứu nước. Và khi tất cả đã là thế, thì văn chương - như một bộ phận của hành động, của hoạt động cũng là thế. Bao trùm trọn vẹn cuộc đời Phan là một kiểu văn chương như thế, nhất quán từ khi là cậu bé chơi trò chơi bình Tây, viết lịch *Bình Tây thu Bắc* cho đến *Lời từ giã bạn bè lần cuối cùng*. Hiểu như vậy sẽ thấy không có gì là mâu thuẫn hoặc khó hiểu trong sự nghiệp văn chương của Phan; và giá trị thứ văn chương “đuổi giặc” ấy sẽ có một vị trí vinh quang, không phải cho sự *lập thân* của một người, mà cho chính sự *tôn vong* của một dân tộc.

\*

Phan Bội Châu, từ là anh Giải San người xứ Nghệ, sớm trở thành một đại biểu sáng giá nhất cho các nhà Nho chí sĩ Việt Nam trong mở đầu thế kỷ XX. Người có một hành trình vượt biên giới đến với nhiều khu vực của Đông Á và Đông Nam Á, sớm khắc phục mọi giới hạn chật hẹp của địa phương và quốc gia, để trở thành con người của thế giới phương Đông đang trong thức tỉnh, và đóng vai trò người tiên báo và tiên trạm số 1 cho một cuộc chuyển giao lịch sử rồi sẽ diễn ra với vai trò Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong suốt thập niên 20 (thế kỷ XX) mà Phan từng kỳ vọng. Phải có Phan Bội Châu và những đồng chí thuộc thế hệ ông, rồi mới có Nguyễn Ái Quốc những năm 20 - người sẽ viết *Đường cách mệnh* vào năm 1927, ở tuổi 37, cũng là năm Phan viết lời kêu gọi thanh niên:

*Dậy, dậy, dậy**Trên án một tiếng gà vừa gáy...*

Giai điệu dục đã ấy của Phan cũng có tác dụng hối thúc con người như *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc: “Kách mệnh! Kách mệnh! Văn chương và hy vọng ở sách này chỉ ở trong hai chữ Kách mệnh!”.

Cách nhau một thế hệ, với độ chênh 23 tuổi đời, so với Nguyễn Ái Quốc, trong một chuyển động dữ dội của thời cuộc, Phan đã không theo kịp bước đi của lịch sử. Dầu đã từng viết về Lenin và treo ảnh Lenin, đã từng nghiên cứu về chủ nghĩa Mác, đã viết sách *Xã hội chủ nghĩa*, nhưng Phan chỉ có thể *đón nó*, và *biết nó* trong 15 năm bị giam lỏng ở quê nhà. Nhưng nếu thiếu Phan? Thiếu những “câu thơ dậy sóng” của Phan, ở đâu nguồn thì sao có biển cả; và biển cả làm sao mà cồn lên được cho một công cuộc giải phóng rồi sẽ đến vào Tháng 8-1945, năm năm sau ngày Phan qua đời? Như vậy nếu dân tộc đã tri ân Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ở hàng đầu thì dân tộc quyết cũng sẽ không quên tri ân bậc tiền bối trực tiếp, kề cận là Phan Bội Châu (người mà chính Nguyễn Ái Quốc đã từng tôn vinh là “bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng” trong truyện *Những trò lố, hay là Varen và*

*Phan Bội Châu*, đăng trên *Người cùng khổ* số tháng 9 và 10-1925, bốn tháng sau ngày Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải - hoặc trên đường đi Quảng Châu) - người bạn đồng môn, và đồng hương của Nguyễn Sinh Sắc, bạn chiến đấu của Nguyễn Thượng Hiền, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Huỳnh Thúc Kháng... những người đã khai mở con đường dân chủ hóa đất nước, con đường dẫn tới Cách mạng tháng Tám 1945, khai sinh nền Dân chủ Cộng hòa, và tiếp đó là Đổi mới, với khẩu hiệu “Lấy Dân làm gốc” sau 30 năm chiến tranh. Đã tri ân Nguyễn Ái Quốc, nhất định không thể quên tri ân Phan Bội Châu, trước khi nói đến một thế hệ đến sau, trong đó có không ít những con em ưu tú của xứ Nghệ như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập - những người rồi sẽ đưa *nội dung giai cấp* vào khái niệm *dân* của Phan và thế hệ Phan, để hướng dân tộc vào con đường cách mạng vô sản, với mở đầu là Cách mạng tháng Mười Nga.

Trong hai lần viết tự thuật, Phan thật khiêm nhường khi nói về mình. “Than ôi! Bao nhiêu năm bôn tẩu, mưu tính trăm việc mà không nên một việc gì, nghĩ mình lỗi nặng, tội nhiều...” (*Ngục trung thư*). “Than ôi! Lịch sử của tôi là lịch sử một trăm lần thất bại mà không một thành công” (*Phan Bội Châu niên biểu*). Thế nhưng trong thất bại của Phan mà các thế hệ đến sau sẽ tìm được bài học thành công. Các thế hệ đến sau, kể từ Nguyễn Ái Quốc sẽ nhìn ở Phan sứ mệnh người đốt lên ngọn lửa sáng chói của tình yêu nước - một tình yêu nước gắn kết với yêu dân mà trở nên rất thống thiết, nó chính là động lực dẫn đến thành công cho cách mạng, trước hết là cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, ở hai thời điểm 1945 và 1975. Từ khởi điểm đó, cả dân tộc tiếp tục một cuộc đi mới, qua bao thử nghiệm, tìm kiếm, và cũng không ít thất bại, mà đến với mục tiêu: *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*... Trong tổng thể, và trong gắn kết của các mục tiêu đó, có phải thế chăng, tất cả những *dân* và *nước*, những *công bằng, dân chủ* và *văn minh* ta đều tìm thấy trong ước nguyện của Phan và các đồng chí của Phan.

Cuộc đời Phan Bội Châu và văn chương Phan Bội Châu đã trở thành lịch sử nhưng là một lịch sử vẫn còn đang nóng hổi tính thời sự.

---

#### Chú thích

1. *Văn thơ Phan Bội Châu*; Nxb. Văn hóa; H; tr.105.
2. *Hoài Thanh - Toàn tập*; T.3. Nxb. Văn học, 1999, tr.378.
3. Sđd, tr.609.
4. *Từ điển văn học* (bộ mới). Nxb. Thế giới; H; tr.1380.
5. *Toàn tập Phan Bội Châu* gồm 10 Tập, do Chương Thâu sưu tập, biên soạn, in lần 2, có chỉnh lý bổ sung, 6272 trang cỡ to. Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm văn hóa- ngôn ngữ Đông Tây; 2000.